TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vỉnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bình T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp AQ, xã AT T, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp AQ, xã AT T, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố CT, tỉnh Cần Thơ vào ngày 18/8/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có tình cảm với người

phụ nữ khác và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Bà T và ông H. Bản thân Bà T và ông H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hùng Trọng N, sinh ngày 05/7/1999. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Bình T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân, yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Đối với con chung hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bình T đối với ông Nguyễn Văn H. Đối với con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Bình T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, ông Nguyễn Văn H (bị đơn) có nơi cư trú tại Ấp AQ, xã AT T, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bình T nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bình T và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố CT, tỉnh Cần Thơ vào ngày 18/8/1999 (nay là phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bình T, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình 02 bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà T, ông H; bản thân ông bà T, ông H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông H không có liên lạc, thăm nom bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Bà T và ông H nhưng ông H đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; thể hiện ông H không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông H. Do đó, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc bà T yêu cầu ly hôn ông H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Bà Nguyễn Thị Bình T xác định vợ chồng có có 01 con chung tên Nguyễn Hùng Trọng N, sinh ngày 05/7/1999. Hiện con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Bình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bình T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bình T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82/KH.99, quyển số 01, ngày 18/8/1999 do Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố CT, tỉnh Cần Thơ (nay là phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ) cấp cho bà Nguyễn Thị Bình T và ông Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0009907 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang